

THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

VN-Index giằng co trong vùng 1,665 – 1,677 và đóng cửa tại mốc 1,676.98, tăng nhẹ hơn 3 điểm so với hôm qua. Độ rộng thị trường khá cân bằng với 8/18 ngành tăng điểm, trong đó ngành Truyền thông tăng mạnh nhất hơn 6%. Dòng tiền có xu hướng luân chuyển qua các ngành để tìm kiếm lợi nhuận ngắn hạn. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này bán ròng trên cả ba sàn HSX, HNX và UPCOM. Hiện tại VN-Index đang tìm điểm cân bằng quanh ngưỡng 1,675 và diễn biến này có thể kéo dài thêm vài phiên để hình thành đáy ngắn hạn.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Các HĐTL đều tăng theo nhịp vận động của VN30.

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch ngày 18/12/2025, các chứng quyền biến động theo xu hướng giằng co của cổ phiếu cơ sở.

ĐIỂM NHẤN

- VN-Index **+3.32** điểm, đóng cửa tại **1676.98** điểm. HNX-Index **+0.11** điểm, đóng cửa tại **253.23** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **VJC (+1.32)**, **GEE (+0.95)**, **HDB (+0.82)**, **TCB (+0.69)**, **VPB (+0.58)**.
- Kéo chỉ số giảm: **FPT (-0.61)**, **DGC (-0.48)**, **CTG (-0.45)**, **BCM (-0.39)**, **BSR (-0.36)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **13,475** tỷ đồng, giảm **-6.44%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 18,601 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 11.77 điểm. Thị trường có **141** mã tăng, **73** mã tham chiếu, **150** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-878.39** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **DXS (-451.54 tỷ)**, **VIC (-330.77 tỷ)**, **FPT (-94.90 tỷ)**, **HDB (-86.19 tỷ)**, **DGC (-66.69 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-17.79** tỷ đồng.

DIỄN BIẾN BSC30, BSC50

- BSC30 **0.00%**. Các mã diễn biến tích cực:
HDB (+3.43%) [\(Link báo cáo\)](#)
STB (+1.69%)
VNM (+1.59%) [\(Link báo cáo\)](#)
- BSC50 **-0.04%**. Các mã diễn biến tích cực:
VJC (+4.75%)
DXG (+2.37%) [\(Link báo cáo\)](#)
VRE (+2.19%) [\(Link báo cáo\)](#)

Hiệu suất các chỉ số

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	0.00%	-0.04%	0.20%	0.29%
1 tuần	-1.03%	-1.62%	-1.29%	-1.08%
1 tháng	-4.77%	-6.17%	1.03%	0.28%
3 tháng	-6.28%	-9.03%	1.11%	2.36%

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Tổng quan thị trường trong nước

	VNI	HNX	UPCOM
Điểm	1,676.98	253.23	118.75
% 1D	0.20%	0.04%	-0.01%
GTKL (tỷ VND)	13,475	854	349
%1D	-6.44%	-0.21%	-18.43%
GDNN (tỷ VND)	-878.39	-17.79	-1.77

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Chi tiết giao dịch khối ngoại

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
MBB	95.11	DXS	-451.54
TCB	54.53	VIC	-330.77
VNM	51.12	FPT	-94.90
SHB	46.22	HDB	-86.19
GEX	45.48	DGC	-66.69

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Thị trường thế giới

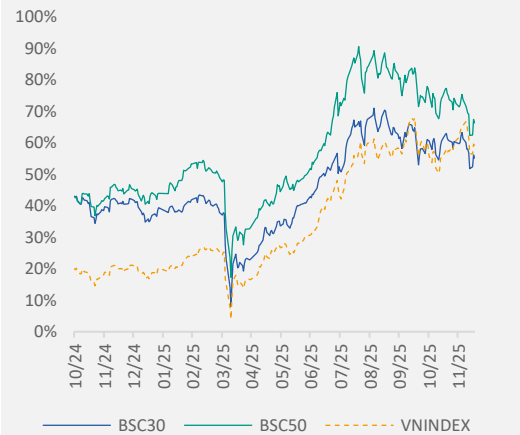
	%D	%W
SPX	-1.16%	-2.40%
FTSE100	-0.07%	0.66%
Eurostoxx	-0.47%	-1.09%
Shanghai	0.16%	0.08%
Nikkei	-1.03%	-2.13%

Nguồn: Vietstock.vn, BSC tổng hợp

	Giá trị	%
Hàng hóa		
Giá dầu Brent	60.02	-1.09%
Giá vàng	4,328	-0.97%
Tỷ giá		
USD/VND	26,408	0.02%
EUR/VND	31,708	-0.06%
JPY/VND	173	-0.57%
Lãi suất		
LS TPCP 10Y	4.1%	0.01%
LS LNH 1M	7.4%	

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Hiệu suất BSC30, BSC50



Nguồn: BSC

Mục lục

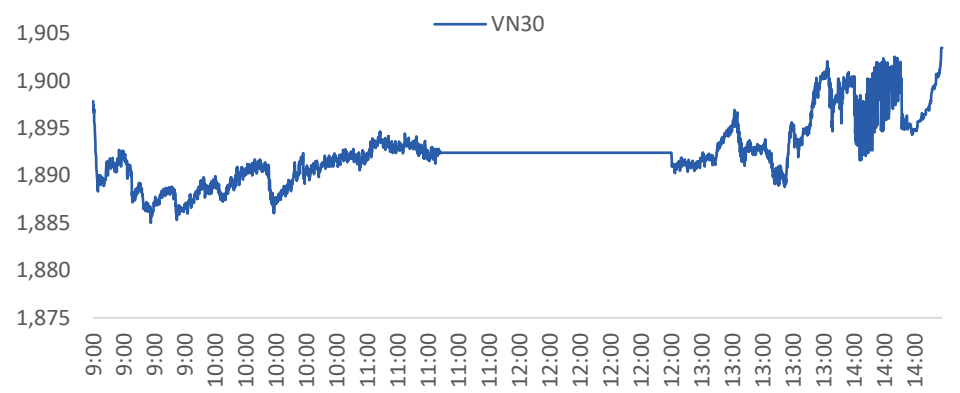
Tổng quan thị trường	Trang 1
Thống kê phái sinh	Trang 2
Thống kê thị trường	Trang 3
Danh mục BSC30	Trang 4
Danh mục BSC50	Trang 5
Báo cáo mới nhất	Trang 6
Khuyến cáo sử dụng	Trang 7



Mở tài khoản tại BSC

THỊ TRƯỜNG HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

VN30-Index Intraday



Nguồn: BSC tổng hợp

HĐTL	Đóng	± Ngày (%)	KLGD	± Ngày (%)	Đáo hạn	Số ngày*
41I1G1000	1907.00	0.52%	25,994	152.8%	15/01/2026	28
41I1G6000	1899.50	0.50%	131	495.5%	18/06/2026	182
VN30F2512	1899.10	0.05%	206,147	-18.1%	18/12/2025	0
41I1G3000	1902.70	0.57%	94	77.36%	19/03/2026	91

Nguồn: BSC

Nhận định

- VN30 +5.52 điểm, đóng cửa tại 1903.47 điểm. Biên độ dao động 18.46 điểm. Các cổ phiếu như VJC, HDB, VNM, TCB, STB tác động tích cực đến nhịp vận động của VN30.
- VN30 bật tăng cuối phiên. Thanh khoản thị trường tiếp tục nằm dưới ngưỡng MA20. Khuyến nghị nhà đầu tư giao dịch thận trọng trong phiên, chiến lược là long/short linh hoạt với phái sinh.
- Các HĐTL đều tăng theo nhịp vận động của VN30. Xét về khối lượng, các HĐTL đều tăng, ngoại trừ VN30F2512.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành*	Giá CQ*	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Giá hòa vốn*	Giá thực hiện*	Giá CKCS*
CSTB2534	9/02/2026	53	200	50.08%	71.70	170	54.5%	0.00	72.04	48.00	48.00
CVHM2521	25/05/2026	158	6,900	105.32%	115.68	1,940	28.5%	0.00	131.20	63.90	63.90
CVJC2506	25/06/2026	189	31,000	12.22%	167.80	4,980	13.7%	3.39	217.60	193.90	193.90
CMBB2522	16/10/2026	302	14,300	36.31%	29.00	1,150	12.7%	0.41	33.60	24.65	24.65
CFPT2524	25/06/2026	189	120,400	35.97%	117.47	440	10.0%	0.07	128.35	94.40	94.40
CVNM2517	3/02/2026	47	77,200	5.00%	63.94	330	10.0%	0.24	67.10	63.90	63.90
CHDB2506	24/02/2026	68	74,600	41.21%	33.00	1,050	9.4%	0.02	36.15	25.60	25.60
CSHB2510	4/05/2026	137	5,500	14.23%	13.67	2,670	9.0%	1.77	18.39	16.10	16.10
CVNM2519	4/05/2026	137	241,800	12.35%	65.96	610	8.9%	0.33	71.79	63.90	63.90
CVNM2509	23/02/2026	67	45,600	8.31%	66.48	370	8.8%	0.23	69.21	63.90	63.90
CTCB2511	23/03/2026	95	35,900	13.86%	34.10	1,190	8.2%	0.66	37.57	33.00	33.00
CTCB2514	24/02/2026	68	29,300	23.31%	38.97	590	7.3%	0.12	40.69	33.00	33.00
CTCB2518	23/02/2026	67	380,000	11.65%	35.07	910	7.1%	0.60	36.84	33.00	33.00
CMWG2521	25/03/2026	97	7,200	17.28%	91.00	940	6.8%	0.58	95.70	81.60	81.60
CVNM2503	26/03/2026	98	88,400	10.32%	63.21	1,590	6.7%	0.83	70.50	63.90	63.90
CHDB2507	9/03/2026	81	147,800	40.63%	31.20	1,600	6.7%	0.07	36.00	25.60	25.60
CVHM2516	23/06/2026	187	22,200	20.76%	79.00	8,900	6.6%	5.01	114.60	94.90	94.90
CSHB2508	3/02/2026	47	160,900	3.37%	13.17	1,960	6.5%	1.74	16.64	16.10	16.10
CTCB2519	9/03/2026	81	250,200	34.18%	43.30	490	6.5%	0.06	44.28	33.00	33.00
CVRE2512	20/05/2026	153	107,400	3.26%	23.50	3,920	6.2%	3.86	31.34	30.35	30.35

Nguồn: BSC

- Chú thích:** Các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất

Lãi suất phi rủi ro là 4.75%
- *: Đơn vị 1,000 VND

Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes
- Trong phiên giao dịch ngày 18/12/2025, các chứng quyền biến động theo xu hướng giằng co của cổ phiếu cơ sở.
 - CSTB2534 có mức tăng trưởng tốt nhất, ở mức 54.55%. CMWG2511 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 14.79%.
 - CVHM2521, CHDB2509, CVRE2526, CVHM2524, CVRE2525 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CVIC2509, CVIC2511, CVIC2513, CVIC2514, CVHM2510 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Nguyen Giang Anh
anhng@bsc.com.vn

Top CP tác động tích cực VN30			
	Giá	±Giá (%)	Điểm
VJC	193.90	4.75%	4.00
HDB	25.60	3.43%	1.65
VNM	63.90	1.59%	1.39
TCB	33.00	1.23%	1.13
STB	48.00	1.69%	1.04

Nguồn: Vietstock.vn, BSC tổng hợp

Top CP tác động tiêu cực VN30			
	Giá	±Giá (%)	Điểm
FPT	94.40	-1.56%	-3.45
DGC	74.90	-6.96%	-1.94
MWG	81.60	-0.37%	-0.55
ACB	23.85	-0.63%	-0.47
LPB	43.80	-0.45%	-0.40

Nguồn: Vietstock.vn, BSC tổng hợp

THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VJC	193.90	4.75%	1.32	0.59
GEE	188.00	5.74%	0.95	0.37
HDB	25.60	3.43%	0.82	3.86
TCB	33.00	1.23%	0.69	7.09
VPB	28.30	1.07%	0.58	7.93

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
HUT	17.00	5.59%	0.60	1.07
PVI	91.60	2.35%	0.30	0.23
BAB	12.30	1.65%	0.12	1.00
PVS	32.80	1.23%	0.11	0.48
CEO	22.30	1.36%	0.10	0.57

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
YEG	13.80	6.98%	0.04	5.52
HII	6.97	6.90%	0.01	1.13
HID	8.37	6.90%	0.01	0.58
TDW	51.30	6.88%	0.01	0.01
TMT	14.85	6.83%	0.01	0.16

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VC1	13.70	9.60%	0.06	0.01
VTC	19.50	9.55%	0.03	0.02
VDL	9.80	8.89%	0.05	0.01
ONE	6.40	8.47%	0.02	0.05
STC	15.60	8.33%	0.03	0.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
FPT	94.40	-1.56%	-0.61	1.70
DGC	74.90	-6.96%	-0.48	0.38
CTG	34.35	-1.01%	-0.45	5.37
BCM	61.30	-2.54%	-0.39	1.04
BSR	14.95	-1.97%	-0.36	5.01

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
KSV	93.00	-5.97%	-0.65	0.20
MBS	26.10	-1.88%	-0.19	0.66
VCS	42.20	-4.52%	-0.18	0.16
VIF	15.00	-5.66%	-0.17	0.35
KSF	72.50	-0.41%	-0.16	0.90

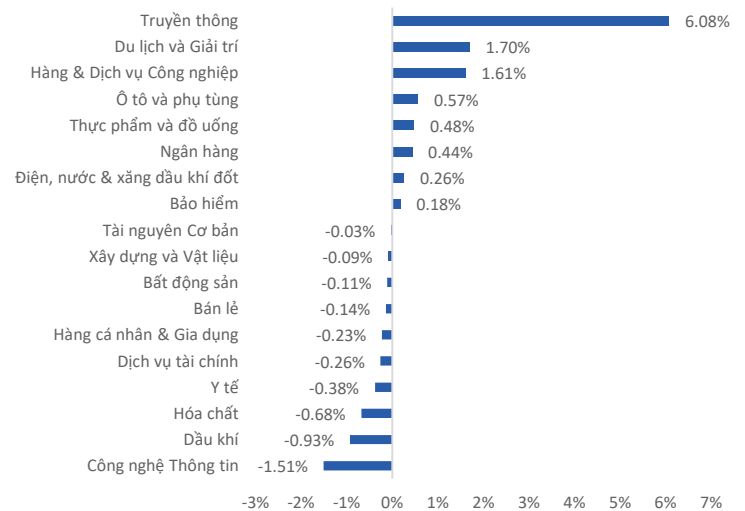
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
CLW	42.80	-6.96%	-0.01	0.00
DGC	74.90	-6.96%	-0.44	1.04
TTF	3.55	-6.82%	-0.02	3.60
FUEIP100	12.13	-5.97%	0.00	0.00
ILB	24.60	-5.38%	-0.01	0.01

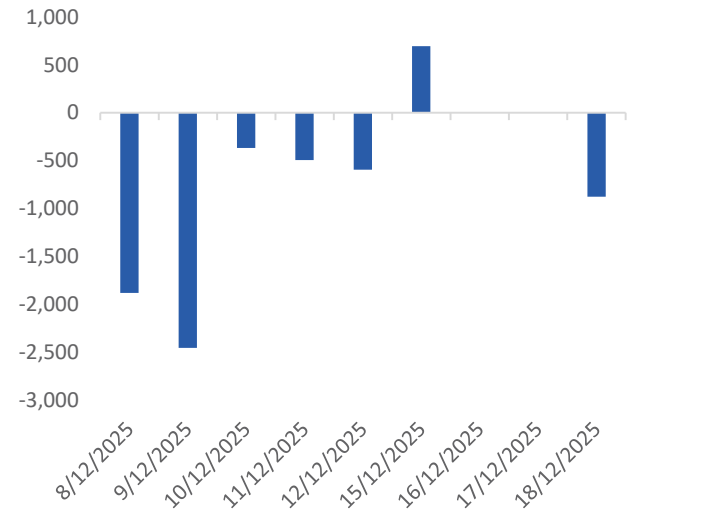
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
QST	26.50	-9.56%	-0.03	0.00
HTC	33.20	-9.04%	-0.19	0.00
HEV	8.00	-8.05%	-0.01	0.00
HJS	27.00	-7.22%	-0.16	0.00
GMX	14.20	-7.19%	-0.04	0.00

Hình 1
Diễn biến ngành cấp 2



Hình 2
Giao dịch khối ngoại



Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

DANH MỤC BSC30

Cổ phiếu	Ngành	Đóng cửa (1,000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	Giá mục tiêu (VNĐ)	NN sở hữu	Link tải báo cáo
MWG	Bán lẻ	81.6	-0.4%	1.2	120,267	996.4	3,956	20.7	106,000	46.5%	Link
KBC	Bất động sản	33.8	0.0%	1.5	31,831	49.0	1,872	18.1	46,000	10.2%	Link
KDH	Bất động sản	32.1	1.3%	1.3	35,574	146.2	857	37.0	39,900	27.8%	Link
PDR	Bất động sản	19.1	-0.8%	1.9	18,812	168.3	211	91.0	28,200	8.4%	Link
VHM	Bất động sản	94.9	0.0%	0.9	389,793	317.6	6,133	15.5	119,600	8.8%	Link
FPT	Công nghệ Thông tin	94.4	-1.6%	0.7	163,366	389.5	5,280	18.2	118,700	39.2%	Link
BSR	Dầu khí	15.0	-2.0%	0.0	76,361	112.0	413		23,200	0.7%	Link
PVS	Dầu khí	32.8	1.2%	1.5	16,570	95.7	2,841	11.4	42,800	13.4%	Link
HCM	Dịch vụ tài chính	23.0	0.0%	1.4	24,839	127.5	1,364	16.9		34.4%	
SSI	Dịch vụ tài chính	29.9	0.7%	1.4	73,861	497.3	1,871	15.8		32.2%	
VCI	Dịch vụ tài chính	34.2	0.0%	1.3	24,713	168.9	1,589	21.5		15.0%	
DCM	Hóa chất	32.0	-0.5%	1.3	16,994	31.9	3,578	9.0	47,300	3.6%	Link
DGC	Hóa chất	74.9	-7.0%	1.2	30,572	77.9	8,296	9.7	109,300	10.5%	Link
ACB	Ngân hàng	23.9	-0.6%	0.9	123,280	133.0	3,385	7.1	28,400	28.7%	Link
BID	Ngân hàng	38.0	0.0%	0.9	266,812	47.3	3,781	10.1	49,500	17.1%	Link
CTG	Ngân hàng	34.4	-1.0%	1.2	269,514	199.4	4,292	8.1	53,500	25.7%	Link
HDB	Ngân hàng	25.6	3.4%	1.2	123,887	832.0	3,641	8.8	34,400	23.6%	Link
MBB	Ngân hàng	24.7	1.0%	1.2	196,542	318.2	3,017	8.1	29,300	21.1%	Link
MSB	Ngân hàng	12.5	0.4%	1.0	38,844	36.9	1,729	7.2	14,000	29.3%	Link
STB	Ngân hàng	48.0	1.7%	1.0	88,982	263.4	6,519	7.2		14.2%	
TCB	Ngân hàng	33.0	1.2%	1.2	231,011	316.9	3,111	10.5	41,100	22.5%	Link
TPB	Ngân hàng	16.7	1.2%	1.3	45,772	57.8	2,358	7.0	-	24.6%	Link
VCB	Ngân hàng	56.8	0.2%	0.9	473,767	204.3	4,202	13.5	73,200	21.2%	Link
VIB	Ngân hàng	17.5	-0.6%	0.9	59,911	49.4	2,225	7.9	23,000	5.0%	Link
VPB	Ngân hàng	28.3	1.1%	1.3	222,150	225.1	2,603	10.8	35,650	24.4%	Link
HPG	Tài nguyên Cơ bản	26.4	0.0%	1.3	202,632	528.1	1,876	14.1	33,170	19.8%	Link
HSG	Tài nguyên Cơ bản	15.7	-0.6%	1.5	9,780	22.0	1,178	13.4	19,800	4.5%	Link
DBC	Thực phẩm và đồ uống	28.6	-0.2%	1.2	11,026	112.2	4,150	6.9	28,800	2.6%	Link
MSN	Thực phẩm và đồ uống	74.0	0.0%	1.3	106,998	260.8	2,196	33.7	98,300	22.6%	Link
VNM	Thực phẩm và đồ uống	63.9	1.6%	0.6	131,458	198.7	4,160	15.1	64,500	50.6%	Link

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (1000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	NN sở hữu	ROE (%)	Link
DGW	Bán lẻ	40.5	1.25%	1.4	8,836	51.5	2,410	16.6	22.9%	17.1%	Link
FRT	Bán lẻ	143.3	0.21%	0.7	24,353	60.3	3,620	39.5	32.2%	24.8%	Link
BVH	Bảo hiểm	53.4	0.00%	1.0	39,640	15.7	3,578	14.9	26.8%	11.3%	
DIG	Bất động sản	17.9	0.00%	1.6	14,256	97.7	526	34.1	3.9%	4.4%	
DXG	Bất động sản	17.3	2.37%	1.6	18,744	162.6	400	42.2	18.6%	3.2%	Link
HDC	Bất động sản	23.8	-0.83%	1.7	4,794	38.6	3,057	7.9	3.1%	25.2%	
HDG	Bất động sản	28.4	-1.39%	1.6	10,655	31.5	938	30.7	20.8%	5.5%	Link
IDC	Bất động sản	36.4	-1.36%	1.5	14,004	27.3	4,849	7.6	11.3%	31.5%	Link
NLG	Bất động sản	31.4	0.48%	1.5	15,162	54.1	2,129	14.7	45.0%	8.8%	Link
SIP	Bất động sản	51.3	-1.35%	1.1	12,590	12.6	5,474	9.5	3.1%	28.2%	
SZC	Bất động sản	29.6	0.00%	1.2	5,319	2.6	1,763	16.8	2.5%	10.1%	Link
TCH	Bất động sản	18.4	-1.34%	1.7	17,011	94.3	801	23.3	12.4%	5.7%	Link
VIC	Bất động sản	142.7	-0.14%	0.9	1,101,192	1328.8	1,147	124.6	3.4%	6.2%	Link
VRE	Bất động sản	30.4	2.19%	1.2	67,488	193.9	2,144	13.9	13.7%	11.1%	Link
CMG	Công nghệ Thông tin	35.4	-1.26%	1.2	7,580	2.4	1,833	19.5	38.2%	13.1%	Link
PLX	Dầu khí	34.8	0.43%	0.9	44,026	32.7	2,090	16.6	14.7%	10.3%	Link
PVD	Dầu khí	27.1	0.37%	1.1	15,009	152.5	1,602	16.9	9.4%	5.5%	Link
FTS	Dịch vụ tài chính	32.0	0.47%	1.3	11,036	18.5	1,262	25.2	24.8%	10.1%	
MBS	Dịch vụ tài chính	26.1	-1.88%	1.7	17,521	98.6	1,667	16.0	4.1%	13.9%	
GAS	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	63.3	0.64%	0.9	151,775	39.6	5,014	12.6	1.8%	18.9%	Link
POW	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	12.3	0.00%	1.2	37,735	181.2	681	18.1	4.2%	5.8%	Link
REE	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	61.5	-0.65%	0.6	33,529	20.5	4,776	13.0	49.0%	13.2%	Link
VJC	Du lịch và Giải trí	193.9	4.75%	0.8	109,507	892.2	2,897	63.9	7.2%	7.8%	
GEX	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	42.2	0.00%	1.8	38,081	312.2	2,313	18.3	7.5%	14.1%	Link
GMD	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	58.4	-0.51%	1.2	25,035	150.9	3,498	16.8	42.2%	11.2%	Link
HAH	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	58.0	-0.34%	1.0	9,828	28.2	6,185	9.4	7.2%	31.0%	Link
PVT	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	18.3	-0.27%	1.1	8,623	23.4	2,090	8.8	9.1%	12.2%	Link
VTP	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	100.8	-0.40%	0.0	12,324	19.6	3,139	32.2	4.7%	23.0%	
PNJ	Hàng cá nhân & Gia dụng	91.9	-0.54%	1.1	31,522	15.0	6,915	13.4	48.9%	20.0%	Link
TCM	Hàng cá nhân & Gia dụng	27.2	0.00%	1.0	3,042	42.7	2,535	10.7	48.4%	12.3%	
TNG	Hàng cá nhân & Gia dụng	18.2	-0.55%	1.5	2,356	6.0	2,864	6.4	16.4%	18.7%	Link
DPM	Hóa chất	22.3	0.00%	1.2	15,128	20.0	1,212	18.4	3.5%	7.4%	Link
GVR	Hóa chất	26.6	0.95%	1.3	105,200	29.6	1,569	16.8	0.4%	11.3%	
EIB	Ngân hàng	21.5	-0.92%	1.2	40,328	152.0	1,635	13.2	2.7%	11.8%	Link
LPB	Ngân hàng	43.8	-0.45%	0.4	131,440	72.7	3,469	12.7	0.9%	23.9%	Link
NAB	Ngân hàng	14.3	1.06%	0.0	24,277	152.4	2,337	6.1	1.6%	19.3%	Link
OCB	Ngân hàng	11.9	0.00%	0.9	31,690	8.3	1,460	8.2	19.6%	12.0%	Link
NKG	Tài nguyên Cơ bản	15.0	-0.33%	1.4	6,714	22.1	571	26.3	4.9%	3.2%	Link
ANV	Thực phẩm và đồ uống	27.3	0.92%	1.3	7,202	11.1	2,829	9.6	4.5%	24.1%	Link
BAF	Thực phẩm và đồ uống	35.7	-1.11%	0.5	10,960	91.2	1,715	21.0	3.1%	12.8%	
SAB	Thực phẩm và đồ uống	50.2	0.20%	0.5	64,256	52.3	3,373	14.9	58.6%	18.9%	
VHC	Thực phẩm và đồ uống	54.5	0.18%	1.0	12,210	19.1	6,944	7.8	19.6%	17.0%	Link
BMP	Xây dựng và Vật liệu	184.6	-2.22%	0.3	15,455	19.8	14,639	12.9	85.2%	41.2%	Link
CTD	Xây dựng và Vật liệu	80.5	-0.62%	1.2	8,216	15.7	6,560	12.4	49.0%	7.4%	Link
CTR	Xây dựng và Vật liệu	83.8	-1.18%	1.1	9,700	10.7	5,128	16.5	4.9%	29.3%	Link
DPG	Xây dựng và Vật liệu	40.5	0.00%	1.5	4,077	5.7	3,037	13.3	5.5%	15.0%	
HHV	Xây dựng và Vật liệu	14.1	1.08%	1.4	6,939	42.3	1,106	12.6	9.7%	5.2%	Link
PC1	Xây dựng và Vật liệu	21.9	-0.45%	1.0	9,048	24.6	1,377	16.0	12.7%	10.0%	Link
VCG	Xây dựng và Vật liệu	24.0	0.84%	1.1	15,386	74.4	6,148	3.9	4.3%	44.3%	
VGC	Xây dựng và Vật liệu	41.2	-0.48%	1.5	18,539	5.4	3,090	13.4	2.6%	15.8%	

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logistic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

DANH SÁCH CÁC BÁO CÁO ĐẶC BIỆT BSC ĐÃ PHÁT HÀNH GẦN ĐÂY

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link báo cáo
1	BSC Navigator T12.2025: Việt Nam trong chuỗi giá trị AI Hoa Kỳ	x		Click
2	BSC Navigator T11.2025: Quy hoạch Việt Nam giai đoạn 2026 - 2030	x		Click
3	BSC Navigator T10.2025: TTCK Việt Nam chính thức được nâng hạng - Dòng tiền khối ngoại tại châu Á	x		Click
4	BSC Insight Nâng hạng Thị trường Chứng khoán Việt Nam - Cận kề đích đến (Kỳ 3)	x		Click
5	BSC Navigator T09.2025: Nhìn lại các chu kỳ tăng trưởng của thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
6	BSC Navigator T08.2025: Dòng vốn đầu tư trực tiếp / gián tiếp từ Trung Quốc sang Việt Nam	x		Click
7	Equity 360 Báo cáo ngành Q3.2025: Kỷ nguyên vươn mình		x	Click
8	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 07/2025_Thuế quan – Các thông tin mới nhất từ Hoa Kỳ	x		Click
9	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 06/2025_Đòn bẩy nội lực - Chiến lược tăng trưởng trong thời kỳ mới	x		Click
10	BSC_ Báo cáo ngành Q2.2025: Kỷ nguyên vươn mình		x	Click
11	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 05/2025_Phát triển kinh tế tư nhân, nội lực tăng trưởng mới	x		Click
12	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 04/2025_Cập nhật diễn biến cuộc chiến thuế quan 2025	x		Click
13	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 03/2025_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
14	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 02/2025_Thương chiến 2.0	x		Click
15	Triển vọng VMTT 2025_Đổi mới 2.0 - Thách thức và Cơ hội	x		Click
16	BSC_Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		Click
17	BSC_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
18	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 12/2024	x		Click
19	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 11/2024	x		Click
20	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 10/2024	x		Click
21	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 9/2024	x		Click
22	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 8/2024	x		Click
23	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 6/2024	x		Click
24	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 5/2024	x		Click
25	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 4/2024	x		Click
26	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 3/2024	x		Click

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên BSC không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của BSC. Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của BSC.

© 2025 BIDV Securities Company, All rights reserved. Unauthorized access is prohibited.

Thông tin liên hệ - Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Trần Thăng Long
Giám đốc Trung tâm Phân tích - Nghiên cứu
Longtt@bsc.com.vn

Bùi Nguyên Khoa
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Vĩ mô – Thị trường
Khoabn@bsc.com.vn

Phan Quốc Bửu
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Ngành – Doanh nghiệp
Buupq@bsc.com.vn

Nhóm vĩ mô thị trường

Vũ Việt Anh
Chuyên viên phân tích
Anhvv@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng
Chuyên viên phân tích
Tungtt1@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo
Chuyên viên phân tích
Thaopt1@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh
Chuyên viên phân tích
Anhng@bsc.com.vn

Lưu Diễm Ngọc
Chuyên viên phân tích
Ngocld@bsc.com.vn

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, TP Hà Nội
Tel: (024) 3935 2722
Fax: (024) 2220 0669

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

Tầng 4 & 9 Tòa nhà President Place
Số 93 Đường Nguyễn Du, Phường Sài Gòn, TP. HCM
Tel: (028) 3821 8885
Fax: (028) 3821 8879

Trung tâm Phân tích nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn

Đối với Khách hàng tổ chức
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn

Đối với Khách hàng cá nhân
i-center@bsc.com.vn
Khu vực miền Bắc: (024) 39264 660
Khu vực miền Nam: (028) 38218 889

Website: <http://www.bsc.com.vn>